

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
VTYT HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0001...

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch
vụ bán trong nước

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 02/02/2026

Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu nội bộ.

TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐSK1: NGUYỄN THỊ TÚ ANH

- Họ và tên người nộp văn bản: Dư Thị Thùy Linh – Phòng Marketing
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 102 Chi Lăng, phường Thành Đông, TP Hải Phòng
- Số điện thoại liên lạc: 0968220257
- Email: marketing@hdpharma.vn

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VITYT
HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 001 ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Công ty Cổ phần Dược VITYT Hải Dương về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
1	Aciclovir 5% (VD-18434-13)	Hộp 1 tuyp 5g	Tuyp	Bán buôn cho nhà phân phối		5.443đ				
				Bán buôn cho đại lý		5.557đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		5.670đ				
2	ASA (893100828624)	Lọ 20ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		2.880đ				
				Bán buôn cho đại lý		2.940đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		3.000đ				
3	BSI (893100075300)	Lọ 20ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		4.320đ				
				Bán buôn cho đại lý		4.410đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		4.500đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
4	Cồn 70 độ (893100147025)	Lọ 500ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		24.960đ				
				Bán buôn cho đại lý		25.480đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		26.000đ				
5	Cồn 70 độ (893100147025)	Lọ 50ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		3.456đ				
				Bán buôn cho đại lý		3.528đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		3.600đ				
6	Fluocinolon 0,025% (893110045823)	Hộp 1 tuyp 10g	Tuyp	Bán buôn cho nhà phân phối		8.160đ				
				Bán buôn cho đại lý		8.330đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		8.500đ				
7	Ketoconazol (893100309723)	Hộp 1 tuyp 5g	Tuyp	Bán buôn cho nhà phân phối		6.335đ				
				Bán buôn cho đại lý		6.510đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		6.650đ				
8	Ketoconazol (893100309723)	Hộp 1 tuyp 10g	Tuyp	Bán buôn cho nhà phân phối		10.350đ				
				Bán buôn cho đại lý		10.636đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		10.865đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
9	Nước Oxy già (893100902024)	Lọ 50ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		1.728đ				
				Bán buôn cho đại lý		1.764đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		1.800đ				
10	Povidon-Iod HD (893100299100)	Lọ 20ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		4.320đ				
				Bán buôn cho đại lý		4.410đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		4.500đ				
11	Povidon-Iod HD (893100299100)	Lọ 90ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		14.400đ				
				Bán buôn cho đại lý		14.700đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		15.000đ				
12	Povidon-Iod HD (893100299100)	Lọ 125ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		17.280đ				
				Bán buôn cho đại lý		17.640đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		18.000đ				
13	Povidon-Iod HD (893100299100)	Lọ 500ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		57.600đ				
				Bán buôn cho đại lý		58.800đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		60.000đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
14	Ceginkton (893210194025)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		85.000đ				
				Bán buôn cho đại lý		87.500đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		90.000đ				
15	Ho Cidinex (893100715024)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		47.513đ				
				Bán buôn cho đại lý		48.825đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		49.875đ				
16	Kim tiền thảo 200 (VD-21939-14)	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		115.275đ				
				Bán buôn cho đại lý		119.625đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		123.250đ				
17	Vitamin B1-HD (893100715324)	Hộp 3 vỉ x 20 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		30.600đ				
				Bán buôn cho đại lý		31.500đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		32.400đ				
18	Bát vị (VD-33688-19)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		80.640đ				
				Bán buôn cho đại lý		82.320đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		84.000đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
19	Botecgan (VD-32097-19)	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		62.897đ				
				Bán buôn cho đại lý		64.635đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		66.025đ				
20	Cynara (VD-23760-15)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		59.625đ				
				Bán buôn cho đại lý		61.875đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		63.750đ				
21	Diệp hạ châu 1g (VD-33690-19)	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		17.675đ				
				Bán buôn cho đại lý		18.163đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		18.554đ				
22	Diệp hạ châu 1g (VD-33690-19)	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		40.196đ				
				Bán buôn cho đại lý		41.306đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		42.194đ				
23	Diệp hạ châu caps (893210193325)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		136.000đ				
				Bán buôn cho đại lý		140.000đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		144.000đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
24	Đại tràng – HD (VD-27232-17)	Hộp 5 vỉ x 12 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		47.700đ				
				Bán buôn cho đại lý		49.500đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		51.000đ				
25	Đại tràng Tiberfer (VD-30969-18)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		59.625đ				
				Bán buôn cho đại lý		61.875đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		63.750đ				
26	Hoàn bổ thận âm (VD-33696-19)	Hộp 30 gói x 8g	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		86.400đ				
				Bán buôn cho đại lý		88.200đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		90.000đ				
27	Hoạt huyết dưỡng não 150mg/20mg (893210130000)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		38.205đ				
				Bán buôn cho đại lý		39.375đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		40.500đ				
28	Hoạt huyết dưỡng não 150mg/10mg (VD-35327-21)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		24.960đ				
				Bán buôn cho đại lý		25.480đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		26.000đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
29	Kim tiền thảo 120mg (893210725124)	Lọ 100 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		28.508đ				
				Bán buôn cho đại lý		29.295đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		29.925đ				
30	Kim tiền thảo 200mg (893210130100)	Hộp 10 vỉ x 10 viên bao phim	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		72.400đ				
				Bán buôn cho đại lý		74.400đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		76.000đ				
31	Redtadin Tab (893100168223)	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		18.462đ				
				Bán buôn cho đại lý		18.972đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		19.380đ				
32	Viên nang ích mẫu (VD-28214-17)	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		36.200đ				
				Bán buôn cho đại lý		37.200đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		38.000đ				
33	Kidsjan Actiso (893210130600)	Hộp 20 ống x 10ml	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		38.400đ				
				Bán buôn cho đại lý		39.200đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		40.000đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
34	Siro Tiêu độc (VD-33712-19)	Chai 100ml	Chai	Bán buôn cho nhà phân phối		22.625đ				
				Bán buôn cho đại lý		23.250đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		23.750đ				
35	Thuốc uống lục vị (VD-32986-19)	Hộp 4 vỉ x 5 ống 10ml	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		81.450đ				
				Bán buôn cho đại lý		83.700đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		85.500đ				
36	Thuốc uống lục vị (VD-32986-19)	Hộp 4 vỉ x 5 ống 5ml	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		63.350đ				
				Bán buôn cho đại lý		65.100đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		66.500đ				
37	Atropin Sulphat (893114045723)	Hộp 100 ống x 1ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		605đ				
				Bán buôn cho đại lý		617đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		630đ				
38	Ciprofloxacin 0.3% (893115174924)	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		4.751đ				
				Bán buôn cho đại lý		4.883đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		4.988đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
39	Dexamethasone 4mg/1ml (893110237800)	Hộp 10 ống x 1ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		961đ				
				Bán buôn cho đại lý		981đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		1.000đ				
40	Dexamethasone 4mg/1ml (893110237800)	Hộp 50 ống x 1ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		907đ				
				Bán buôn cho đại lý		926đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		945đ				
41	Gentamicin 0,3%/5ml (893110828724)	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		2.688đ				
				Bán buôn cho đại lý		2.744đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		2.800đ				
42	Gentamicin 80mg/2ml (893110175124)	Hộp 10 ống x 2ml; Hộp 50 ống x 2ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		1.440đ				
				Bán buôn cho đại lý		1.470đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		1.500đ				
43	Lidocain (VD-23764-15)	Hộp 100 ống x 2ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		566đ				
				Bán buôn cho đại lý		578đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		590đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
44	Mezanamin (893110401524)	Hộp 10 ống x 5ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		4.536đ				
				Bán buôn cho đại lý		4.631đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		4.725đ				
45	Novocain 3% (893114273400)	Hộp 100 ống x 2ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		720đ				
				Bán buôn cho đại lý		735đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		750đ				
46	Nước cất tiêm 10ml (VD-18797-13)	Hộp 50 ống x 10ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		864đ				
				Bán buôn cho đại lý		882đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		900đ				
47	Nước cất tiêm 5ml (893110038000)	Hộp 50 ống x 5ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		691đ				
				Bán buôn cho đại lý		706đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		720đ				
48	Piroxicam 20mg/1ml (893110151200)	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		3.570đ				
				Bán buôn cho đại lý		3.675đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		3.780đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
49	Takizd (VD-34815-20)	Hộp 50 ống x 2ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		831đ				
				Bán buôn cho đại lý		854đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		872đ				
50	Tirodi (893115147125)	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	Bán buôn cho nhà phân phối		5.430đ				
				Bán buôn cho đại lý		5.580đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		5.700đ				
51	Vitamin B1 100mg/2ml (893110927824)	Hộp 50 ống x 2ml	Ống	Bán buôn cho nhà phân phối		960đ				
				Bán buôn cho đại lý		980đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		1.000đ				
52	Hadufovir 300mg (893110288024)	Hộp 2 vỉ x 10 viên;	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		40.954đ				
				Bán buôn cho đại lý		41.807đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		42.660đ				
53	Hadufovir 300mg (893110288024)	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		61.430đ				
				Bán buôn cho đại lý		62.710đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		63.990đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kê trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
54	Hadugut 300 (893110107600)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		65.953đ				
				Bán buôn cho đại lý		67.327đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		68.702đ				
55	Hadumix Cap (893100108000)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		90.500đ				
				Bán buôn cho đại lý		93.000đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		95.000đ				
56	Hadupara Ib 200 (893100108100)	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		104.075đ				
				Bán buôn cho đại lý		106.950đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		109.250đ				
57	Hadupara 500mg (893100828924)	Hộp 10 vỉ x 12 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		50.085đ				
				Bán buôn cho đại lý		51.975đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		53.550đ				
58	Haduquin 250mg (VD-35228-21)	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		36.200đ				
				Bán buôn cho đại lý		37.200đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		38.000đ				

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
59	Metronidazol 250mg (VD-34949-21)	Hộp 50 vi x 10 viên	Hộp	Bán buôn cho nhà phân phối		119.952đ				
				Bán buôn cho đại lý		122.451đ				
				Bán buôn cho quầy thuốc, nhà thuốc		124.950đ				
60	Clindamycin 600mg/4ml (893110749824)	Hộp 2 vi x 5 ống x 4ml	Ống	Bán thầu		14.000đ				
61	Hadunalin 1mg/ml (893110151100)	Hộp 50 ống x 1ml	Ống	Bán thầu		1.100đ				
						1.050đ				
62	Haduosen (893110947424)	Hộp 50 ống x 4ml	Ống	Bán thầu		5.460đ				
						5.250đ				
						4.000đ				
						3.300đ				
						3.200đ				

- Giá kê khai là mức giá kê khai lần đầu.

- Mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá: 5%.

- Giá kê khai là mức giá bán ghi trên hóa đơn đã trừ chiết khấu, giảm giá và bao gồm thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ.